

Bài tập môn cơ sở dữ liệu nâng cao

Nhóm thực hiện: Nhóm 04, Cơ sở dữ liệu nâng cao, Thứ 2

Đề số: x

Đề tài: Hệ thống quản lý giáo viên

Các thành viên:

- | | |
|----------------------|--------|
| 1. Lý Văn Chấn | CNDL15 |
| 2. Nguyễn Ngọc Khánh | CNDL15 |
| 3. Ngô Văn Thường | CNDL15 |

1 Đánh giá và phân công công việc.

1.1 Đánh giá mức độ hoàn thành công việc.

STT	Nội dung	Nhận xét	Điểm
1	Nội dung mô hình thực thể	Các thực thể đã thể hiện được mô hình khảo sát.	
2	Chuẩn hóa dữ liệu	Thỏa Idn được 3NF, BCNF.	
3	Thiết kết cơ sở dữ liệu logic, vật lý	Đã thể hiện được cơ sở dữ liệu phân tích, khả năng lưu trữ và triển khai thực tiễn.	
4	Phân tích chức năng	Đã thể hiện được các chức năng thống kê nhân lực hiện tại và quá khứ theo khoa, tổng hợp tải của từng giáo viên hiện tại và trong quá khứ theo các cấp đơn vị; Quản lý thông tin lịch sử thay đổi, in lý lịch cá nhân liên quan đến phần thay đổi của cá nhân. Tính tải cho các cấp đơn vị	
5	Khai thác cơ sở dữ liệu	Đã viết được các câu lệnh khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chức năng, mẫu biểu hệ thống.	
6	Lập trình T-SQL	Khai thác tốt các lập trình T-SQL giải quyết được bài toán, yêu cầu chức năng đưa ra.	
7	Lập trình kết nối khai thác cơ sở dữ liệu	Đã lập trình và hình thành giao diện khai thác dữ liệu phục vụ các chức năng đã nêu của hệ thống.	
8	Đánh giá chung	Đã thể hiện được các chức năng yêu cầu nhưng phần quản lý nhập còn chưa đủ.	

1.2 Phân công công việc

STT	Nội dung	Đánh giá
1	Lý Văn Chấn	<ul style="list-style-type: none">- Khảo sát:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia khảo sát tất cả các quy trình của hệ.- Phân tích dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia phân tích dữ của cả hệ thống .- Thiết kế cơ sở dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia thiết kế cơ sở dữ liệu cả hệ thống.- Thực hiện chức năng:<ul style="list-style-type: none">+ Thực hiện chức năng thêm mới học hàm cho giáo viên.+ Thực hiện chức năng cập nhật tỷ lệ miễn giảm của chức vụ đảng.+ Tính định mức tải giảng của một giáo viên theo năm học và kì học.+ Tổng hợp tải dạy học của một giáo viên theo năm học và kì học.
2	Nguyễn Ngọc Khánh	<ul style="list-style-type: none">- Khảo sát:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia khảo sát tất cả các quy trình của hệ.- Phân tích dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia phân tích dữ của cả hệ thống .- Thiết kế cơ sở dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia thiết kế cơ sở dữ liệu cả hệ thống.- Thực hiện chức năng:<ul style="list-style-type: none">+ Thực hiện chức năng thêm giáo viên hướng dẫn học viên làm.+ Thực hiện chức năng cập nhật đề tài nghiên cứu.+ Tính tải khảo thí của giáo viên theo năm học và kì học.
3	Ngô Văn Thường	<ul style="list-style-type: none">- Khảo sát:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia khảo sát tất cả các quy trình của hệ- Phân tích dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia phân tích dữ của cả hệ thống- Thiết kế cơ sở dữ liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Tham gia thiết kế cơ sở dữ liệu cả hệ thống- Thực hiện chức năng:<ul style="list-style-type: none">+ Thực hiện chức năng thêm bài báo cho một giáo viên.+ Thực hiện chức năng cập nhật tham gia hội đồng.+ Thống kê nghiên cứu khoa học học của một giáo viên theo năm học và kì học.

The diagram is an Entity-Relationship (ER) model for a university database. It features several entities, each with a set of attributes, and various relationships between them, some of which are many-to-many.

Entities and Attributes:

- Chức Vụ Đảng** (Party Position): Tên chức vụ (Position name), Tỷ lệ miễn giảm (Discount ratio).
- Chức Vụ CMKT** (CMKT Position): Tên chức vụ (Position name), Ngày nhận (Acceptance date), Nơi bổ nhiệm (Appointment place).
- Chức Vụ Chính Quyền** (Government Position): Tên chức vụ (Position name), Tỷ lệ miễn giảm (Discount ratio), Ngày kết thúc (End date).
- Bộ Môn** (Department): Tên bộ môn (Department name), Ngày chuyển đến (Move to date), Ngày chuyển đi (Move from date).
- Khoa** (Faculty): Tên khoa (Faculty name).
- Đại Học** (University): Nơi đào tạo (Training place), Hệ đào tạo (Training system), Ngành học (Major), Nước đào tạo (Training country).
- Thạc Sĩ** (Master): Chuyên ngành (Major), Nơi đào tạo (Training place), Tên luận văn (Thesis name).
- Tiến Sĩ** (Doctor): Chuyên ngành (Major), Nơi đào tạo (Training place), Tên luận án (Dissertation name).
- Ngoại Ngữ** (Foreign Language): Tên ngoại ngữ (Foreign language name).
- Giáo Viên** (Teacher): Tên giáo viên (Teacher name), Giới tính (Gender), Ngày sinh (Date of birth), Quê quán (Hometown), Địa chỉ (Address), Điện thoại (Phone), Giới tính (Gender), Điện thoại (Phone), Email (Email).
- Định Mức Giảng Dạy** (Teaching Standard): Quy định chung (General regulation).
- Học Hàm** (Academic Title): Tên học hàm (Academic title name).
- Định Mức Nghiên Cứu** (Research Standard): Định mức giờ chuẩn (Standard hours).
- Chức Danh CMNV** (CMNV Title): Tên chức vụ (Position name).
- Học Vị** (Degree): Tên học vị (Degree name).

Relationships:

- Tham gia** (Participate): Connects Chức Vụ Đảng, Chức Vụ Chính Quyền, and Giáo Viên. Attributes: Ngày nhận (Acceptance date), Ngày kết thúc (End date).
- Đảm nhận** (Accept): Connects Chức Vụ CMKT, Chức Vụ Chính Quyền, and Giáo Viên. Attributes: Ngày nhận (Acceptance date), Nơi bổ nhiệm (Appointment place).
- Thuộc** (Belongs to): Connects Bộ Môn and Giáo Viên. Attributes: Ngày kết thúc (End date), Ngày bắt đầu (Start date).
- Học** (Study): Connects Giáo Viên and Đại Học. Attribute: Năm tốt nghiệp (Graduation year).
- Có** (Have): Connects Giáo Viên and Định Mức Giảng Dạy.
- Có** (Have): Connects Giáo Viên and Định Mức Nghiên Cứu.
- Có** (Have): Connects Giáo Viên and Chức Danh CMNV.
- Có** (Have): Connects Giáo Viên and Học Vị.
- Có bằng** (Have diploma): Connects Giáo Viên and Thạc Sĩ. Attribute: Năm cấp bằng (Year of diploma).
- Có bằng** (Have diploma): Connects Giáo Viên and Tiến Sĩ. Attribute: Năm cấp bằng (Year of diploma).
- Học** (Study): Connects Giáo Viên and Ngoại Ngữ. Attribute: Ngày cấp chứng chỉ (Certificate date).



